

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2020 - 06/04/2021 to 07/04/2021

Results - NGAY THI DAU THU NHAT

Event 101 Women 50 SC Meter CVD

KLQG: 21.53 * 20/03/2019		Thu Pham Thi		HDG	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Pham Thi, Thu	19	Hai Duong	21.50	22.17
2	Nguyen T, Kieu Oanh	26	Quang Ninh	25.00	22.54
3	Cao Thi, Duyen	20	Thanh Hoa	22.66	22.62
4	Vo Thi, Tuyet Hoa	18	Dong Nai	23.25	23.16
5	Hoang Thi, Tra My	16	Thua Thien Hue	NT	23.79
6	Kieu Thi, Anh Vien	14	Dong Nai	23.67	23.81
7	Mai Thi, Tram	15	Quang Binh	25.00	23.87
8	Mai Ngoc, Nhu Truc	15	Quan Doi	24.00	24.66
9	Dao Thi, Kim Anh	17	Quan Doi	24.00	24.99
10	Bach Thi, Hoai Thu	14	Quang Binh	26.00	25.23
11	Doan Gia, Khanh	17	Tay Ninh	24.50	25.90
12	Nguyen Vu, Thuy Duong	15	Da Nang	23.50	27.01
13	Hoang Thi, Trang	20	Thanh Hoa	23.11	29.02
---	Lo Thi, Hiem	15	Thanh Hoa	NT	X24.65

Event 102 Men 50 SC Meter CVD

KLQG: 19.34 * 3/2014		Ngo Phuc Sang		TP. Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Ngoc, Huynh	26	Dong Nai	19.45	19.20*
2	Do Thanh, Thao	18	Quan Doi	21.00	19.91
3	Bui Phuong, Nam	21	Dong Nai	19.85	20.41
4	Vu Van, Bac	19	Phu Tho	19.38	20.45
5	Hoang Van, Tan	20	Ha Noi	20.00	20.46
6	Nguyen Van, An	17	Hai Duong	20.00	20.98
7	Tran Le, Thanh Nhan	18	Vinh Long	21.00	21.13
8	Dao Khanh, Duong	19	Cong An Nhan Dan	NT	21.17
9	Truong Minh, Quan	17	Quan Doi	21.00	21.38
10	Ho Tan, Tai	16	Vinh Long	21.50	21.65
11	Tran Tien, Tai	20	Da Nang	21.06	21.80
12	Le Dinh, Tam	17	Thanh Hoa	21.00	21.96
13	Dang Trong, Minh	15	Thanh Hoa	22.00	22.17
14	Le Ngoc, Hoang	17	Thua Thien Hue	NT	22.25
*15	Hoang Van, Thinh	15	Quang Binh	22.00	22.32
*15	Nguyen Cong, Danh	16	Ha Noi	20.50	22.32
17	Dang Minh, Tai	18	Hai Phong	NT	22.62
18	Tong Ba, Thang	16	Tay Ninh	22.50	23.17
19	Tran Hoang, Manh	15	Tay Ninh	22.50	23.80
20	Vu Hai, Nam	16	Hai Phong	NT	24.38
---	Mai Lam, Truong	18	Da Nang	NT	X21.83
---	Cao Van, Duong	15	Thanh Hoa	NT	X23.30
---	Dang Nguyen, Long Nhat	15	Da Nang	NT	X25.86
---	Vu Tan, Thanh	24	Cong An Nhan Dan	NT	DQ
	False start				

Event 103 Women 100 SC Meter VHCV

KLQG: 42.39 * 20/03/2019		Tam Nguyen Thi		THA	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Thi, Hang	19	Da Nang	41.50	42.33*
2	Tran T, Huyen Trang	21	Ha Noi	42.00	43.31
3	Nguyen Hoai, Thuong	19	Da Nang	42.90	43.50

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2020 - 06/04/2021 to 07/04/2021

Results - NGAY THI DAU THU NHAT

(Event 103 Women 100 SC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4 Pham Thi, Thu	19	Hai Duong	40.00	43.51	
5 Nguyen Thi, Hue	25	Thai Binh	42.00	44.45	
6 Dao Thi, Kim Anh	17	Quan Doi	43.00	45.68	
7 Son Thi, My Nhung	15	Quan Doi	44.00	47.47	
8 Trinh Dieu, Linh	16	Nghe An	45.00	47.52	
9 Lam Nhat, Vy	16	Tay Ninh	44.00	48.90	
10 Phan T, Thu Ngan	16	Nghe An	48.00	50.86	
11 Nguyen Thi, Nguyen	16	Thanh Hoa	42.78	50.97	
12 Pham Hoai, Anh	15	Thanh Hoa	45.00	51.85	
13 Le Thi, Thuy Linh	16	Ha Noi	42.00	57.98	
--- Hoang Thi, Anh Thu	15	Thanh Hoa	NT	X1:01.66	

Event 104 Men 100 SC Meter VHCV

KLQG: 33.80 * 20/03/2017 Loc Nguyen Thanh

HCM

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thanh, Loc	26	TP Ho Chi Minh	33.90	34.61	
2 Do Dinh, Toan	24	TP Ho Chi Minh	33.99	36.10	
3 Nguyen Duy, Anh	18	Da Nang	36.00	36.90	
4 Nguyen Trung, Kien	32	Ha Noi	35.00	37.16	
5 Dang Duc, Manh	19	Quan Doi	38.00	38.69	
6 Do Thanh, Thao	18	Quan Doi	36.00	40.62	
7 Tran Cong, Tu	18	Da Nang	38.00	40.91	
8 Nguyen Trong, Dung	18	Nghe An	40.00	41.04	
9 Nguyen Duy, Bao	14	Tay Ninh	39.00	42.03	
10 Lai Van, Hoang Khoa	15	Tay Ninh	41.00	44.17	
11 Nguyen Duc, Thang	17	Thai Binh	38.00	44.69	
12 Luong Xuan, Tung	21	Ha Noi	37.00	47.21	
13 Nguyen Phi, Ha	15	Thanh Hoa	42.26	49.95	
14 Le Khuong, Duy	13	Thanh Hoa	45.12	56.82	
--- Nguyen Tien, Dat	18	TP Ho Chi Minh	NT	X36.87	
--- Le Dang, Duc Viet	16	Ha Noi	NT	X42.17	
--- Nguyen Thanh, Lam	17	Ha Noi	NT	X45.50	
--- Ngo Manh, Khoi	16	Ha Noi	NT	X50.13	

Event 105 Women 400 SC Meter VHCV

KLQG: 3:26.83 * 20/03/2019 Trang Diem Tran Thi

QBH

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Pham T, Kim Thuong	20	Ha Noi	3:28.00	3:29.58	
2 Nguyen Dinh, Phuong Quyen	18	TP Ho Chi Minh	3:31.31	3:30.89	
3 Pham T, Hong Diep	17	Thai Binh	3:28.00	3:32.10	
4 Nguyen Thi, Hang	19	Da Nang	3:24.00	3:43.77	
5 Nguyen Thi, Thu	14	Quang Ninh	3:50.00	3:48.01	
6 Pham Thu, Trang	16	Quan Doi	NT	3:50.39	
7 Trinh Dieu, Linh	16	Nghe An	3:40.00	3:52.37	
8 Tran Phuong, Nhi	16	Ha Noi	3:28.00	3:52.89	
9 Phan T, Thu Ngan	16	Nghe An	3:42.00	3:54.48	
10 Thach T, Thao Suong	16	Quan Doi	NT	3:55.94	
11 Nguyen Thi, Thao Van	18	Da Nang	3:34.00	4:03.70	
--- Nguyen Tran, San San	14	Ha Noi	NT	X3:59.90	
--- Nguyen Luong, Nhung	15	Ha Noi	NT	X4:25.78	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2020 - 06/04/2021 to 07/04/2021

Results - NGAY THI DAU THU NHAT

Event 106 Men 1500 SC Meter VHCV

KLQG: 12:53.25 * 20/03/2017 Duc Tam Luu Nguyen			HCM		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Luu Nguyen Duc, Tam	24 TP Ho Chi Minh	12:39.39	12:48.47*	
2	Phan Van, Tuan	21 Quang Binh	14:30.00	13:13.50	
3	Danh Thanh, Ton	20 Da Nang	13:30.00	13:20.59	
4	Tran Quang, Huong	14 Quang Binh	14:45.00	13:44.94	
5	Mai Xuan, Anh	16 Quan Doi	13:45.00	13:50.58	
6	Dinh Ngoc, Anh	16 Thai Binh	14:20.00	13:56.10	
7	Dang Phu, Quoc	15 Ha Noi	14:00.00	15:34.19	

Event 107 Women 200 SC Meter CVD

KLQG: 1:48.83 * 20/03/2019 Thu Pham Thi			HDG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Pham Thi, Thu	19 Hai Duong	1:45.00	1:50.04	
2	Vo Thi, Tuyen Hoa	18 Dong Nai	1:52.30	1:52.89	
3	Cao Thi, Duyen	20 Thanh Hoa	1:50.00	1:53.49	
4	Hoang Thi, Trang	20 Thanh Hoa	1:50.00	1:53.60	
5	Ton Nu, My Ngoc	18 Da Nang	NT	1:54.24	
6	Mai Thi, Tram	15 Quang Binh	1:56.00	1:56.17	
7	Kieu Thi, Anh Vien	14 Dong Nai	1:58.30	1:58.70	
8	Bach Thi, Hoai Thu	14 Quang Binh	2:02.00	2:03.15	
9	Nguyen T, Thuy Dung	15 Quang Ninh	1:59.00	2:07.41	
10	Le Hoang, Nam Thuyen	20 TP Ho Chi Minh	1:50.50	2:10.53	
11	Mai Ngoc, Nhu Truc	15 Quan Doi	1:55.00	2:11.13	
12	Son Thi, My Nhung	15 Quan Doi	NT	2:19.96	
---	Lo Thi, Hiem	15 Thanh Hoa	NT	X2:10.21	

Event 108 Men 200 SC Meter CVD

KLQG: 1:37.85 * 20/03/2019 Toan Phan Duc			QBH		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Dang, Nhat Nam	17 Dong Nai	1:38.00	1:38.92	
2	Phan Duc, Toan	28 Quang Binh	1:58.00	1:40.03	
3	Nguyen Van, An	17 Hai Duong	1:38.00	1:41.05	
4	Vu Van, Bac	19 Phu Tho	1:39.58	1:41.96	
5	Dao Khanh, Duong	19 Cong An Nhan Dan	NT	1:44.34	
6	Ngo Van, Phap	19 Da Nang	1:38.00	1:44.50	
7	Le Quy, Don	26 Quan Doi	1:40.00	1:46.28	
8	Tran Tien, Tai	20 Da Nang	NT	1:46.56	
9	Nguyen Ngoc, Huynh	26 Dong Nai	1:40.30	1:46.64	
10	Doan Kim, Tham	16 Quang Binh	1:59.00	1:47.75	
11	Le Dinh, Tam	17 Thanh Hoa	1:45.00	1:49.60	
12	Thai Quang, Minh	23 Ha Noi	1:45.00	1:50.06	
13	Tran Le, Thanh Nhan	18 Vinh Long	1:46.00	1:50.22	
14	Tran Van, Dung	15 Ha Noi	1:50.00	1:54.44	
15	Dang Trong, Minh	15 Thanh Hoa	1:48.00	1:55.15	
16	Pham Quang, Huy	15 Hai Phong	NT	2:07.46	
17	Truong Minh, Quan	17 Quan Doi	NT	2:10.55	
---	Nguyen Duc, Thang	17 Ha Noi	NT	X1:57.90	
---	Cao Van, Duong	15 Thanh Hoa	NT	X2:08.41	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2020 - 06/04/2021 to 07/04/2021**Results - NGAY THI DAU THU NHAT****Event 109 Women 4x100 SC Meter VHCV Relay**

KLQG: 2:50.70 * 20/03/2019 Da Nang DNG

Hoang Thi, Nguyen Hoai, Nguyen Thi, Nguyen Thi

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Da Nang	A	NT	2:54.06	
1) Hoang Thi, Tam 23	2) Nguyen Hoai, Thuong 19	3) Nguyen Thi, Thao Van 18	4) Nguyen Thi, Hang 19	
2 Ha Noi	A	NT	3:00.12	
1) Tran T, Huyen Trang 21	2) Tran Phuong, Linh 16	3) Pham T, Kim Thuong 20	4) Luu Thi, Thanh Thu 20	
3 Quan Doi	A	NT	3:08.68	
1) Dao Thi, Kim Anh 17	2) Son Thi, My Nhung 15	3) Pham Thu, Trang 16	4) Mai Ngoc, Nhu Truc 15	
4 Quang Ninh	A	NT	3:11.11	
1) Nguyen T, Thuy Dung 15	2) Nguyen Thi, Phuong 14	3) Duong Thuy, Hong 14	4) Nguyen Thi, Thu 14	

Event 110 Men 4x100 SC Meter VHCV Relay

KLQG: 2:29.03 * 20/03/2019 TP Ho Chi Minh HCM

Do Dinh, Nguyen Tien, Luu Nguyen, Nguyen Thanh

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	2:28.00*	
1) Nguyen Tien, Dat 18	2) Do Dinh, Toan 24	3) Luu Nguyen Duc, Tam 24	4) Nguyen Thanh, Loc 26	
2 Quan Doi	A	NT	2:33.99	
1) Do Thanh, Thao 18	2) Truong Minh, Quan 17	3) Dang Duc, Manh 19	4) Le Quy, Don 26	
3 Ha Noi	A	NT	2:39.83	
1) Luong Xuan, Tung 21	2) Le Dang, Duc Viet 16	3) Ngo Manh, Khoi 16	4) Nguyen Trung, Kien 32	
4 Da Nang	A	NT	2:44.53	
1) Tran Cong, Tu 18	2) Danh Thanh, Ton 20	3) Dang Nguyen, Long Nhat 15	4) Nguyen Duy, Anh 18	
5 Tay Ninh	A	NT	3:03.20	
1) Nguyen Duy, Bao 14	2) Tong Ba, Thang 16	3) Tran Hoang, Manh 15	4) Lai Van, Hoang Khoa 15	